

CHUYÊN MỤC

TRIẾT HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC - LUẬT HỌC

TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN VĂN THẾ*

Nhận bài ngày: 24/11/2021; đưa vào biên tập: 02/12/2021; phản biện: 18/3/2022;
duyet đăng: 10/4/2022

1. CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN – CƠ SỞ CHỦ YẾU HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

* Quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, học thuyết Mác ra đời dựa trên những điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể của Châu Âu, như chủ nghĩa tư bản ra đời và những tiền đề văn hóa, tư tưởng của nhân loại đạt được trong suốt chiều dài lịch sử cho đến thời đại của C. Mác và Ph. Ăngghen. Với sự uyên bác về trí tuệ⁽¹⁾, sự gắn bó mật thiết với phong trào công nhân ở khắp các nước Châu Âu, cùng thiên tài trong kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, Mác và Ăngghen đã tìm ra được quy luật vận động của xã hội loài người, đặc

biệt là quy luật vận động của chủ nghĩa tư bản thông qua quan điểm duy vật lịch sử mà nền tảng là học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và học thuyết giá trị thặng dư. Từ hai phát kiến vĩ đại này dẫn đến học thuyết về sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân (sau này V.I. Lênin đã bổ sung). C. Mác và Ph. Ăngghen là những người đầu tiên phát hiện ra một sự thật lịch sử: "Không phải ý thức con người quyết định tồn tại của họ; trái lại, tồn tại xã hội của họ quyết định ý thức của họ" (C. Mác và Ph. Ăngghen, 1993: 15). Đây chính là xuất phát điểm có tính nguyên tắc để nhận thức, giải thích toàn bộ lịch sử nhân loại trên lập trường duy vật biện chứng. Từ đó, từng bước tìm ra cấu trúc và quy luật vận động, phát triển của xã hội loài người.

Trong vô số những mối quan hệ chằng chịt, rắc rối, các ông đã bóc

* Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng.

tách tìm ra “trục”, “xương sống” - mà căn cứ vào đó để giải thích sự vận động, phát triển; cao hơn là đã rút ra những kết luận có tính tất yếu về sự ra đời, diệt vong, thay thế của những hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Qua nghiên cứu xã hội tư bản C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng chủ nghĩa xã hội tất yếu sẽ thay thế cho chủ nghĩa tư bản. Tuy nhiên, để chủ nghĩa xã hội trở thành hiện thực thì giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các đảng cộng sản không thụ động ngồi chờ, mà phải thông qua sự nỗ lực hoạt động thực tiễn, phải không ngừng đổi mới, sáng tạo, bám sát thực tiễn, thực hiện bằng nhiều con đường khác nhau. Quá trình ấy cũng cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể và phát triển để tùy từng giai đoạn nhất định mà xác định nội dung, phương thức phù hợp; không được thoát ly thực tế để tránh rơi vào chủ quan, duy ý chí.

Học thuyết Mác đề cập nhiều vấn đề, trong đó, dù hai ông không bàn trực tiếp tới những vấn đề đổi mới, hội nhập và phát triển như hiện nay, nhưng tinh thần của các quan điểm về luôn luôn sáng tạo trong tư duy; không ngừng cải biến, linh hoạt trong hoạt động thực tiễn, liên minh, liên hiệp giữa giai cấp vô sản các nước và các giai cấp cách mạng để đẩy mạnh sự phát triển của cách mạng vô sản vẫn là nền tảng, định hướng rất quan trọng cho công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển ở Việt Nam hiện nay.

* *Quan điểm của V.I. Lênin*

V.I. Lênin, với trí tuệ thiên tài⁽²⁾, người bảo vệ, phát triển học thuyết Mác và hiện thực hóa cách mạng xã hội chủ nghĩa, đã để lại không chỉ là một hệ thống tư tưởng lý luận vĩ đại mà còn cả những hoạt động và kinh nghiệm cách mạng sâu sắc. Trong đó, có những tư tưởng rất đặc sắc về đổi mới, đoàn kết, liên hiệp quốc tế để phát triển cách mạng xã hội chủ nghĩa trước những thử thách, khó khăn đòi hỏi phải vừa làm vừa tìm tòi, thử nghiệm, sáng tạo. Một trong những biểu hiện về đổi mới trong tư duy và hoạt động thực tiễn đặc sắc của V.I. Lênin, khi ông đưa ra và thực hiện Chính sách kinh tế mới (NEP) ở nước Nga năm 1921. Nội dung cơ bản của NEP là: thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực; cho phép tự do buôn bán và phát triển tư bản nhà nước. Trong quan niệm của V.I. Lênin, NEP là “một phương sách xử lý mới trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa”, là bước lùi, là sự “rút lui có tính chất chiến lược”, “lùi bước hay rút lui cho tới khi đã chuẩn bị kỹ lưỡng, đã đủ sức để chuyển sang một cuộc tiến công vững chắc”. Chính sự đổi mới, dù “là một bước lùi” với một chính sách kinh tế đúng đắn, mà chỉ trong một năm sau, đã cứu nước Nga thoát khỏi tình trạng khủng hoảng nặng nề cả về kinh tế, chính trị lẫn xã hội.

Trong bối cảnh của công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết kinh

nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước, nhất là kinh nghiệm thực tiễn của những năm tiến hành sự nghiệp đổi mới ở nước ta trong những năm vừa qua, Đảng ta tiếp tục khẳng định lập trường kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, khẳng định những tư tưởng cơ bản của Lênin về NEP và về thực hiện NEP; trên thực tế là một trong những cơ sở lý luận của đường lối đổi mới ở nước ta hiện nay; là nền tảng, định hướng và soi sáng sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển. Chính vì thế, tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (01/1994) của Đảng đã khẳng định: "Phải vận dụng sáng tạo và tiếp tục phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là tư tưởng của V.I. Lênin về chính sách kinh tế mới, về chủ nghĩa tư bản nhà nước, sáng tạo nhiều hình thức quá độ, những nấc thang trung gian đa dạng, phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể để đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội một cách vững chắc" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1994: 24).

2. NỘI DUNG CƠ BẢN, CỐT LÕI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Xuất phát từ thực tế Việt Nam, Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo và phát triển những tư tưởng ban đầu về đổi mới, hội nhập và phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin để phát triển đất nước. Dưới đây là một số nội dung cơ bản, cốt lõi trong tư tưởng đó của Người.

*** Về đổi mới**

Trong buổi đầu lựa chọn hướng đi tìm con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam, dù sớm tiếp cận và rất kính trọng lòng yêu nước nhiệt huyết của các bậc tiền bối như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Hoàng Hoa Thám, Lương Văn Can... nhưng người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã không lựa chọn đi theo con đường của họ. Người muốn đi tìm một con đường cứu nước mới, do đó, phải tìm hiểu để nắm được bản chất của kẻ thù đang đô hộ đất nước mình. Đó chính là sự lựa chọn mang tính bước ngoặt, có ý nghĩa vô cùng quan trọng, mở đầu cho hành trình tìm đường cứu nước của Người. Không chọn đi Trung Quốc, đi Nhật, mà ý tưởng của Người là sang Châu Âu, trước hết là nước Pháp để làm quen với văn minh Pháp, tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Như vậy, có thể nói, ngay từ khi suy nghĩ để ra đi tìm đường cứu nước, trong con người Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã có tư tưởng đổi mới; hơn nữa, đây lại là *đổi mới trong lựa chọn con đường cứu nước, lựa chọn lối đi cho cách mạng Việt Nam*. Đó là sự đổi mới từ cội nguồn, đổi mới từ gốc để từ đó làm nên những thành công chói lọi của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tư tưởng đổi mới của Hồ Chí Minh, được khởi nguồn từ khi Người lựa chọn con đường cách mạng để giải phóng dân tộc và phát triển trong suốt

quá trình hoạt động cách mạng. Tư tưởng đó vẫn như dòng chảy từ suối nguồn, luôn thường trực, tuôn chảy không ngừng, được Người nhắc nhở, nhấn mạnh và tiên phong vận dụng. Ngay từ năm 1927, trong tác phẩm *Đường cách mệnh* - tập hợp những bài giảng cho cán bộ cách mạng khi còn đang hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc), Người đã nêu: "Cách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt". Thời gian hoạt động ở Pháp, khi gửi tới các nước Đồng minh thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất nói chung và Chính phủ Pháp nói riêng bản *Yếu sách của nhân dân An Nam* gồm 8 điểm, trong đó, Nguyễn Ái Quốc đã đề xuất "Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 1: 441).

Sau này, trong các bài viết, phát biểu, Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh đến đổi mới với tư duy cởi mở, khuyến khích mọi người thực hiện đổi mới. Người từng nói "Chẳng có việc gì là không thể đổi mới" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 12: 527); "Đừng sợ cái mới quá. Cái gì mới thì lần đầu cũng lạ, nhưng sau rồi quen"; Người một mặt khuyến khích thực hiện đổi mới, đồng thời phê phán một số người "còn có tư tưởng bảo thủ, không chịu tiếp thu để dành cái hay, cái mới" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 13: 63). Đặc biệt trong *Di chúc*, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhắc đến việc kiến thiết lại đất nước sau chiến tranh. Người cho rằng công việc này "là cuộc chiến đấu

khổng lồ chống lại những gì đã cũ kỹ, hư hỏng, để tạo ra những cái mới mẻ, tốt tươi". Trong đó, việc "hàn gắn vết thương chiến tranh" được coi là công việc "cực kỳ to lớn, phức tạp và khó khăn".

Không chỉ thể hiện tư duy đổi mới, Hồ Chí Minh còn nhận thức sâu sắc cội rễ sức mạnh để hiện thực hóa đổi mới, đó là nhân dân. Trong bài *Dân vận* đăng trên báo *Sự Thật* ngày 15/10/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh (2011, tập 6: 132) khẳng định: "Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của nhân dân; sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc là công việc của dân...". Người luôn coi nhân dân là gốc rễ của sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp đổi mới. Cũng trong *Di chúc*, một lần nữa, Người nhắc đến vai trò của nhân dân khi đổi mới, tái thiết đất nước: "Để giành lấy thắng lợi trong cuộc chiến đấu khổng lồ này, cần phải động viên toàn dân, tổ chức và giáo dục nhân dân, dựa vào lực lượng vĩ đại của toàn dân" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 15: 617).

Tư tưởng đổi mới cũng như khẳng định chân lý phải dựa vào nhân dân - cái gốc của mọi thành công trong sự nghiệp cách mạng của Hồ Chí Minh đã được Đảng ta kế thừa, phát triển trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những bài học nêu trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011)* đều là những nội dung mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu và nhấn mạnh từ

những năm 50, 60 của thế kỷ XX, như nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân... Tại các kỳ đại hội từ sau Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986, Đảng ta đều rút ra các bài học về đổi mới, hội nhập quốc tế và phát triển; trong đó tiếp tục khẳng định đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, và đổi mới, hội nhập quốc tế để bảo đảm cho phát triển mạnh mẽ, bền vững.

*** Về hội nhập quốc tế**

Cùng với những tư tưởng về đổi mới, ở Chủ tịch Hồ Chí Minh còn thể hiện sâu sắc tư tưởng về hội nhập quốc tế để phát triển đất nước theo con đường đã chọn: "Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 2: 329). Có thể coi đây chính là điểm khởi phát của tư tưởng hội nhập và đoàn kết quốc tế, bao hàm hai điều mới: một là, tầm nhìn được mở rộng ra toàn thế giới, không chỉ thu hẹp ở phương Đông; hai là, quan điểm đoàn kết đặt vào tất cả những ai làm cách mạng, không bị ràng buộc bởi Châu Á hay Châu Âu, bởi da vàng hay da trắng như luận điệu tuyên truyền của thuyết Đại Đông Á thời đó. Theo Hồ Chí

Minh *nhân tố dẫn đến thành công của sự nghiệp cứu nước phải là hội nhập với thế giới, đoàn kết với phong trào cách mạng trên thế giới*. Chính từ đây, Người đã đưa cách mạng Việt Nam đi vào quỹ đạo cách mạng vô sản và trở thành một bộ phận của phong trào cách mạng quốc tế. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về hội nhập, đoàn kết quốc tế đã thể hiện rõ những nguyên tắc:

Một là, hội nhập và đoàn kết quốc tế phải phục vụ mục tiêu cơ bản và xuyên suốt của cách mạng Việt Nam là Độc lập - Thống nhất - Chủ nghĩa xã hội.

Ngay sau ngày tuyên bố độc lập, Chính phủ đã ra "Thông cáo về chính sách đối ngoại" khẳng định mục tiêu phấn đấu cho "nền độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn" mà tư tưởng cơ bản là thân thiện và hợp tác với tất cả các nước, từ các nước Đồng minh, các nước láng giềng, các dân tộc đang đấu tranh giải phóng cho đến nhân dân Pháp, kể cả kiều dân Pháp đều được bảo đảm sinh mệnh và tài sản nếu họ tôn trọng chủ quyền của Việt Nam. Đến năm 1947, Người nhắc lại đường lối đối ngoại của Việt Nam là "làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 5: 256). Trên cơ sở tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính sách đối ngoại của Đảng ta giai đoạn đó đã xác định: "Mục đích của ta lúc này là tự do, độc lập. Ý chí của chúng ta lúc này là dân chủ, hòa bình. Là bạn của ta trong giai đoạn này tất

cả những nước nào, những dân tộc hay lực lượng nào trên thế giới tán thành mục đích ấy, cùng ta chung một ý chí ấy” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 8: 437).

Hai là, trong sự hội nhập và đoàn kết quốc tế, phải luôn giữ vững nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Năm 1946, đã nhiều lần Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư đến Quốc hội và chính phủ Pháp, nêu rõ: “Chỉ cần nước Pháp công nhận nền độc lập của chúng tôi thì nước Pháp sẽ chiếm được trái tim và tình cảm của tất cả những người Việt Nam” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4: 348). Với chính phủ Mỹ, Người yêu cầu: “Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam và dân tộc Việt Nam” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 15: 603).

Ba là, hội nhập và đoàn kết quốc tế nhằm tiến tới việc xây dựng sự hợp tác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi.

Trong *Thư gửi Liên hợp quốc* (năm 1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4: 523). Người còn nêu ra một số giải pháp cụ thể như Việt Nam sẽ dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, các nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình; sẵn sàng mở rộng các cảng,

sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế; sẵn sàng chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế; sẵn sàng ký kết các hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan... Ngay trong những năm kháng chiến, Người đã dự tính: “Chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước cộng tác thật thà với chúng tôi”, “chúng ta sẽ mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu đến đây giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia” (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4: 86). Rõ ràng, những nét lớn đó đã phác họa cả một chương trình phát triển và hợp tác với các nước, với các đối tác mà Người đã định liệu từ 40 năm trước, khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới.

Bản về quan hệ hợp tác, Người luôn nhấn mạnh đến thực lực của bản thân là nhân tố quyết định thành công. Trong cuộc đấu tranh giải phóng, được sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, Người thường nhắc nhở phải “đem sức ta mà giải phóng cho ta”, “dựa vào sức mình là chính”, “muốn người ta giúp mình thì trước hết phải tự giúp lấy mình đã”. Tư tưởng của Người là những chỉ dẫn quý báu để Đảng ta đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò của nội lực: “Chú ý rằng: Ta có mạnh thì họ mới chịu “đếm xỉa đến”. Ta yếu thì ta chỉ là một khối cụ trong tay của kẻ khác, dầu kẻ ấy có thể là bạn đồng minh của ta vậy” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 7: 244).

Bốn là, hội nhập và đoàn kết quốc tế cần "làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn" (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, tập 8: 27).

Đến nay phương châm của cách mạng Việt Nam vẫn là "thêm bạn bớt thù". Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ: "Chúng tôi không ghét không thù gì dân tộc Pháp... Sự chiến đấu của chúng tôi không nhằm đánh vào nước Pháp, cũng không nhằm đánh vào những người Pháp lương thiện, mà chỉ chống lại sự thống trị tàn bạo ở Đông Dương của chủ nghĩa thực dân Pháp" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 4: 75). Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Người nhắc lại quan điểm đó: "Tôi đã đến nước Mỹ, tôi hiểu nhân dân Mỹ rất trọng chính nghĩa và có nhiều tài năng" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 14: 328); "Nhân dân Việt Nam coi nhân dân Mỹ là bạn của mình" (Hồ Chí Minh, 2011, tập 11: 314). Nhờ quan điểm đúng đắn đó mà ở Pháp và ở Mỹ đã dấy lên phong trào các tầng lớp nhân dân đòi chính phủ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam. Tiếng nói phản chiến từ các cuộc biểu tình trên đường phố đã tác động vào nghị viện và chính phủ góp phần buộc giới cầm quyền phải ký hiệp định đình chiến, rút quân về nước. Có thể nói trong lịch sử thế giới, hiếm có trường hợp nào mà cuộc chiến đấu của một dân tộc lại giành được sự đồng tình ủng hộ của nhân dân các nước đối phương rộng lớn, mạnh mẽ đến vậy. Nguồn gốc cơ bản là do chính nghĩa

thuộc về chúng ta, với quan điểm đoàn kết quốc tế, chúng ta đã giương cao ngọn cờ chính nghĩa đó.

Năm là, hội nhập và đoàn kết quốc tế phải "dựa vào lực lượng nhân dân" ở trong nước cũng như trên thế giới.

Năm 1946, trong chuyến thăm nước Pháp kéo dài hiếm có trong lịch sử ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến Paris với tư cách thượng khách của Chính phủ Pháp. Ngoài những buổi tiếp xúc chính thức với đại diện chính phủ và các chính khách, Người dành nhiều thời gian gặp gỡ các đoàn thể quần chúng, giới báo chí và đông đảo Việt kiều. Qua các cuộc trò chuyện thân tình, Người đã phân tích tính chất chính nghĩa của nước Việt Nam mới, bày tỏ tình cảm của nhân dân Việt Nam với nhân dân Pháp, chia sẻ niềm lo âu với các bà mẹ, người chị có con em bị điều sang Đông Dương. Nhờ vậy cuộc kháng chiến của Việt Nam đã tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp nhân dân Pháp và chính họ đã góp phần tích cực vào việc buộc chính phủ Pháp phải đình chiến và rút quân khỏi Đông Dương.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Người cũng viết nhiều bức thư, gửi những lời nhắn nhủ đến nhân dân Mỹ để làm rõ tính chất xâm lược của đội quân viễn chinh Mỹ, nêu bật tính chính nghĩa của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống xâm lược. Người khơi gợi ở thanh niên, sinh viên và nhân dân Mỹ truyền thống đáng tự hào của nước Mỹ với những tên tuổi Washington, Lincoln,

Roosevelt; Người chia sẻ nỗi đau của những bà mẹ mất con, người vợ mất chồng trên chiến trường xa bởi những người thân của họ bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh phi nghĩa. Trong các cuộc đi thăm các nước, Người cũng hòa vào quần chúng, thân mật thăm hỏi và khích lệ từ các cháu thiếu nhi, thanh niên đến các bậc phụ lão. Những hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thu phục trái tim nhân dân thế giới, đi vào lòng người, tạo nên sức mạnh tinh thần ủng hộ Việt Nam. Đó chính là “ngoại giao tâm công”, nền tảng của đường lối đối ngoại nhân dân, một mặt trận rộng lớn kết hợp chặt chẽ với hoạt động đối ngoại của Đảng và của Nhà nước.

3. KẾT LUẬN

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, hội nhập để phát triển đất nước là một tư tưởng lớn của nhà tư tưởng lỗi lạc, biểu tượng cho khát vọng của Đảng

và dân tộc Việt Nam. Tư tưởng đó mang bản chất khoa học, cách mạng và nhân văn, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn nước ta; đúng quy luật, hợp lòng dân và phù hợp với xu thế của thời đại. Có thể nói, linh hồn sống của tư tưởng Hồ Chí Minh là đổi mới, nhằm một mục tiêu, theo một con đường là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng thế giới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đổi mới, hội nhập là cội nguồn của đổi mới, hội nhập để phát triển đất nước hiện nay. Đây là một đề tài lớn, đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu sâu sắc về lý luận và tổng kết thực tiễn để có cơ sở khoa học đảm bảo cho việc vận dụng có hiệu quả hơn và phát triển tư tưởng của Người, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. □

CHÚ THÍCH

(1) C. Mác được chọn là một trong 20 nhà tư tưởng có trí tuệ bậc nhất thế kỷ XIX.

(2) V.I. Lênin được chọn là một trong 20 nhà tư tưởng có trí tuệ bậc nhất thế kỷ XX.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. 1994. *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2000. *Văn kiện Đảng Toàn tập – tập 7, 8*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
3. Hồ Chí Minh. 2011. *Toàn tập – tập 1, 2, 4, 5, 6, 11, 12, 13, 14, 15*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.
4. C. Mác và Ăngghen. 1993. *Toàn tập – tập 13*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia.